

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 7 - 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn B, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn B trình bày:

Ông và bà Bùi Thị N chung sống với nhau năm 1979, đến ngày 29/3/2001

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bà N đánh bạc, có một lần ông và bà N cự cãi, đánh nhau. Ông không có quan hệ với người phụ nữ khác như bà N trình bày. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: có 04 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 18/3/1980, Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 11/6/1982, Trương Thị Ngọc C1, sinh ngày 19/8/1984 và Trương Thị Thùy L, sinh ngày 27/6/1986. Con chung Trương Thành L đã chết năm 2021, các con chung Trương Thị Ngọc A, Trương Thị Ngọc C1, Trương Thị Thùy L đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Về nợ chung: không có.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Bà và ông B chung sống với nhau năm 1979, đến ngày 29/3/2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông B yêu cầu ly hôn với bà do ông B có quan hệ với người phụ nữ khác. Trước đây, bà không đồng ý ly hôn, xin thêm thời gian để hòa giải. Hôm nay, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 04 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 18/3/1980, Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 11/6/1982, Trương Thị Ngọc C1, sinh ngày 19/8/1984 và Trương Thị Thùy L, sinh ngày 27/6/1986. Con chung Trương Thành L đã chết năm 2021, các con chung Trương Thị Ngọc A, Trương Thị Ngọc C1, Trương Thị Thùy L đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố

tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông B và bà N được ly hôn.

+ Về con chung: có 03 con chung là Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 11/6/1982, Trương Thị Ngọc C1, sinh ngày 19/8/1984 và Trương Thị Thùy L, sinh ngày 27/6/1986. Con chung đã trưởng thành, ông B và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về tài sản: ghi nhận ông B và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Nợ chung: ghi nhận ông B và bà N trình bày không có.

+ Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông B là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N; bà N cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà N chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà N hợp pháp.

[3.1] Qua lời trình bày của ông B, bà N và xác nhận của địa phương (bút lục 23, 24) thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, ông B và bà N đã sống ly thân.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; tại phiên tòa, bà N đồng ý ly hôn. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, cho ông B và bà N ly hôn.

[4] Về con chung: Ông B và bà N có 04 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 18/3/1980, Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 11/6/1982, Trương Thị Ngọc C1, sinh ngày 19/8/1984 và Trương Thị Thùy L, sinh ngày 27/6/1986. Con chung Trương Thành L đã chết năm 2021, các con chung Trương Thị Ngọc A, Trương Thị Ngọc C1, Trương Thị Thùy L đã trưởng thành nên ông B và bà N không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản: ông B và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Ông B được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn B đối với bà Bùi Thị N.

Ông Trương Văn B được ly hôn với bà Bùi Thị N.

2. Về con chung:

Con chung là Trương Thị Ngọc A, sinh ngày 11/6/1982, Trương Thị Ngọc C1, sinh ngày 19/8/1984 và Trương Thị Thùy L, sinh ngày 27/6/1986 đã trưởng thành, ông Trương Văn B và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản:

Ghi nhận ông Trương Văn B và bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Ông Trương Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng